

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 19 tháng 10 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NOI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
1	CB57001		Bùi Nguyễn Hoài	An	07/10/2005	Cần Thơ	8.33	10.00	Đạt
2	CB57002	QTKD2311043	La Nhật	An	12/11/2005	Sóc Trăng	7.67	9.25	Đạt
3	CB57003	LUAT2211035	Lê Nguyễn Lan	Anh	23/03/2004	Vĩnh Long	6.67	6.25	Đạt
4	CB57004	QLCN2311050	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/01/2005	Cần Thơ	7.67	7.50	Đạt
5	CB57005	KETO2311063	Nguyễn Thị Chúc	Anh	23/05/2005	Cần Thơ	7.33	10.00	Đạt
6	CB57006	CNDD2411050	Đặng Dư Thái	Bảo	30/05/2006	Cần Thơ	6.33	6.50	Đạt
7	CB57007		Nguyễn Quân	Bảo	24/12/2009	Cần Thơ	0.00	0.00	Không đạt
8	CB57008	KHDL2311002	Trương Thanh	Bình	02/08/2005	Cần Thơ	7.00	9.75	Đạt
9	CB57009		Huỳnh Nguyễn Quốc	Cường	17/11/2006	Cần Thơ	7.00	7.00	Đạt
10	CB57010	2100232	Nguyễn Kiều Quốc	Cường	08/10/2003	Sóc Trăng	6.33	7.00	Đạt
11	CB57011	CNDT2411042	Trần Quốc	Cường	29/05/2006	Cần Thơ	5.67	6.75	Đạt
12	CB57012	2100224	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	03/08/2003	Đồng Tháp	6.00	4.00	Không đạt
13	CB57013	2100616	Nguyễn Ngọc	Duyên	01/06/2003	Trà Vinh	7.67	6.25	Đạt
14	CB57014	1900779	Đào Thành	Đạt	11/11/1997	Hậu Giang	5.67	6.75	Đạt
15	CB57015	QLXD2211007	Nguyễn Thị Hồng	Đoan	10/05/2004	Hậu Giang	7.33	7.00	Đạt
16	CB57016	LQCC2411039	Nguyễn Thị Hồng	Đoan	10/02/2006	Sóc Trăng	6.67	4.00	Không đạt
17	CB57017	QLCN2411010	Lưu Thị Ngọc	Giàu	26/01/2006	Hậu Giang	6.00	3.75	Không đạt
18	CB57018	2101471	Trần Thị Ngọc	Giàu	21/03/2003	Cần Thơ	4.33	6.25	Không đạt
19	CB57019	QLCN2411001	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	26/06/2005	Sóc Trăng	7.67	7.00	Đạt
20	CB57020		Trần Hồng	Hạnh	03/05/2005	TP.Hồ Chí Minh	5.67	7.75	Đạt
21	CB57021	2100090	Nguyễn Chí	Hào	14/04/2003	Đồng Tháp	8.33	7.50	Đạt
22	CB57022	KETO2311027	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	17/05/2004	Cần Thơ	4.67	6.50	Không đạt
23	CB57023	QLCN2411047	Lý Thị Ngọc	Hân	31/05/2006	Sóc Trăng	5.67	5.50	Đạt
24	CB57024	2101171	Lê Hữu	Hậu	30/10/2003	Vĩnh Long	7.33	9.50	Đạt
25	CB57025	LUAT2411031	Nguyễn Hiếu	Hậu	19/02/2005	TP.Hồ Chí Minh	5.67	7.00	Đạt
26	CB57026	2101160	Nguyễn Văn Chí	Hậu	28/07/2003	Hậu Giang	5.33	4.00	Không đạt
27	CB57027	CNCD2311058	Đỗ Thanh	Hiền	09/01/2004	Sóc Trăng	6.67	7.75	Đạt
28	CB57028	QLXD2211044	Trần Ngọc	Hiền	09/12/2004	Sóc Trăng	5.67	8.75	Đạt
29	CB57029	QLCN2411004	Đào Ngọc	Hiền	30/07/2006	Cần Thơ	7.33	7.75	Đạt
30	CB57030	2100131	Thạch Nguyễn Văn	Hiếu	07/12/2003	Trà Vinh	8.00	7.75	Đạt
31	CB57031	2100231	Nguyễn Trung	Hòa	08/08/2003	Đồng Tháp	6.33	5.00	Đạt
32	CB57032		Nguyễn Thúy	Hoài	30/04/2002	Cà Mau	7.33	7.25	Đạt
33	CB57033	KETO2311050	Hà Kim	Hoàng	21/03/2005	An Giang	7.00	7.75	Đạt
34	CB57034	KETO2311054	Vô Thị Kim	Hồng	03/05/2005	Hậu Giang	5.67	7.50	Đạt
35	CB57035	QLXD2211001	Đặng Tấn	Huy	08/09/2004	Hậu Giang	7.33	8.00	Đạt
36	CB57036	QLXD2211020	Nguyễn Quốc	Huy	07/10/2004	Sóc Trăng	7.67	7.50	Đạt
37	CB57037	KHDL2311009	Nguyễn Ngọc Như	Huỳnh	12/03/2005	Sóc Trăng	8.33	10.00	Đạt
38	CB57038	KHDL2311010	Nguyễn Ngọc Sa	Huỳnh	12/03/2005	Sóc Trăng	8.00	9.75	Đạt
39	CB57039	QLCN2311031	Nguyễn Hoàng Quốc	Hưng	11/02/2005	An Giang	7.67	9.75	Đạt
40	CB57040	2101021	Nguyễn Hoàng	Kha	24/12/2002	Cần Thơ	7.33	5.75	Đạt
41	CB57041	CNXD2211057	Tô Minh	Khang	19/08/2004	Bạc Liêu	7.67	9.25	Đạt
42	CB57042	QLCN2311033	Trần Văn	Khánh	14/04/2005	Cần Thơ	6.33	7.50	Đạt
43	CB57043	2000673	Nguyễn Đăng	Khoa	24/09/2002	Cần Thơ	4.00	7.00	Không đạt
44	CB57044	LQCC2411059	Dương Thị Trúc	Linh	13/11/2006	Sóc Trăng	7.00	8.75	Đạt

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 19 tháng 10 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NOI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
45	CB57045	QTKD2311046	Nguyễn Ngọc	Linh	22/05/2005	Hậu Giang	6.67	7.75	Đạt
46	CB57046	QLCN2411003	Trang Yến	Linh	04/11/2006	Sóc Trăng	6.33	7.25	Đạt
47	CB57047	CNDD2211059	Trần Hữu	Luân	13/01/2004	Cà Mau	7.33	6.25	Đạt
48	CB57048		Dương Thị Xuân	Mai	30/12/2004	Sóc Trăng	5.67	7.00	Đạt
49	CB57049	2100569	Đặng Huỳnh Kha	Minh	22/06/2003	Bạc Liêu	6.33	6.50	Đạt
50	CB57050	2101501	Lê Nguyễn Nhựt	Minh	28/01/2003	Cần Thơ	7.33	8.75	Đạt
51	CB57051		Nguyễn Thị Hồng	Mỹ	27/11/2004	TP.Hồ Chí Minh	4.67	6.50	Không đạt
52	CB57052		Nguyễn Ngọc Thiên	Ngân	11/01/2005	Cần Thơ	6.33	8.00	Đạt
53	CB57053		Nguyễn Thanh	Ngân	13/06/2005	Hậu Giang	6.00	8.75	Đạt
54	CB57054	2100102	Võ Hoàng	Nghĩa	14/05/2001	Sóc Trăng	4.00	5.50	Không đạt
55	CB57055	2100830	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/01/2003	Cần Thơ	4.33	5.00	Không đạt
56	CB57056	CNDT2211011	Trang Tấn	Nguyên	08/06/2004	Sóc Trăng	5.67	5.25	Đạt
57	CB57057	CNXD2211037	Lâm Minh	Nguyễn	17/04/2004	Cần Thơ	6.67	8.25	Đạt
58	CB57058	QLXD2211003	Cù Trọng	Nguyễn	08/10/2004	Sóc Trăng	7.33	8.00	Đạt
59	CB57059	QLCN2311056	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	27/05/2005	Cần Thơ	7.33	9.50	Đạt
60	CB57060	KETO2311047	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/10/2005	Cần Thơ	9.00	7.50	Đạt
61	CB57061	2100087	Nguyễn Tấn	Phát	18/03/2003	Đồng Tháp	8.00	8.75	Đạt
62	CB57062	2000360	Trần Minh	Phi	17/11/2002	Bạc Liêu	0.00	0.00	Không đạt
63	CB57063	KTNL2311025	Nguyễn Hà	Phúc	28/01/2005	Cần Thơ	4.67	6.25	Không đạt
64	CB57064	KTNL2311003	Phạm Đặng	Phúc	22/12/2005	Bến Tre	6.00	3.75	Không đạt
65	CB57065	LUAT2211005	Trần Ngọc	Phượng	15/11/2004	Cần Thơ	4.67	6.75	Không đạt
66	CB57066	1900447	Lê Minh	Quang	20/05/2001	Thanh Hóa	3.00	0.75	Không đạt
67	CB57067	2000477	Nguyễn Thành	Quý	17/01/2001	Cần Thơ	6.67	7.00	Đạt
68	CB57068	QLXD2211021	Huỳnh Tổng	Tài	24/01/2004	Sóc Trăng	5.00	7.00	Đạt
69	CB57069	LQCC2411081	Phạm Nguyễn Hữu	Tài	17/04/2006	Sóc Trăng	6.67	8.00	Đạt
70	CB57070	2100023	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	26/07/2003	Vĩnh Long	5.67	5.50	Đạt
71	CB57071		Lê Thị Thanh	Tiền	04/05/2005	Tiền Giang	6.00	5.00	Đạt
72	CB57072	2100779	Nguyễn Trọng	Tiến	26/11/2003	Đồng Tháp	7.00	7.25	Đạt
73	CB57073	QLCN2311032	Trần Văn	Tỷ	27/09/2005	Cần Thơ	8.67	8.25	Đạt
74	CB57074	2000785	Lưu Đặc	Thành	01/09/2002	Kiên Giang	5.33	8.50	Đạt
75	CB57075		Nguyễn Thanh	Thảo	21/01/2006	Cần Thơ	5.33	7.00	Đạt
76	CB57076	KETO2311064	Trần Kim	Thảo	18/02/2005	Cần Thơ	6.33	7.50	Đạt
77	CB57077		Võ Thị Thanh	Thảo	29/09/2006	Cần Thơ	5.33	4.25	Không đạt
78	CB57078	KTNL2311041	Huỳnh Minh	Thâu	13/07/2005	Cần Thơ	6.33	5.75	Đạt
79	CB57079	QLCN2311023	Nguyễn Hữu	Thiện	11/07/2005	Cần Thơ	5.67	6.00	Đạt
80	CB57080	CNXD2211064	Lê Quang	Thịnh	04/09/2004	Vĩnh Long	6.33	8.00	Đạt
81	CB57081		Lê Cường	Thịnh	05/11/2004	Cần Thơ	6.00	7.50	Đạt
82	CB57082		Huỳnh Tấn	Thuận	29/06/1999	Cần Thơ	5.00	9.25	Đạt
83	CB57083	LQCC2411045	Nguyễn Minh	Thư	18/09/2006	Sóc Trăng	8.00	8.00	Đạt
84	CB57084	QLCN2411007	Võ Đặng Minh	Thư	19/03/2006	Kiên Giang	8.00	7.75	Đạt
85	CB57085	QLCN2411068	Đặng Kiều	Trang	16/09/2006	Hậu Giang	7.33	7.00	Đạt
86	CB57086	KETO2311030	Lê Doan	Trang	22/09/2005	Hà Nội	6.67	6.25	Đạt
87	CB57087		Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/01/2006	Cần Thơ	4.00	6.50	Không đạt
88	CB57088		Đinh Thị Huyền	Trân	03/09/2002	Cà Mau	4.67	5.25	Không đạt

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 19 tháng 10 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NOI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
89	CB57089	2100369	Lê Thành	Triệu	22/08/2003	Trà Vinh	6.33	6.00	Đạt
90	CB57090	CNXD2311018	Trần Minh	Trọng	22/09/2005	Sóc Trăng	6.33	7.00	Đạt
91	CB57091		Trần Thanh	Trúc	03/04/2006	Vĩnh Long	7.00	9.25	Đạt
92	CB57092		Trịnh Thị Ngọc	Trúc	19/06/2005	Cần Thơ	6.33	6.00	Đạt
93	CB57093	QLCN2411002	Lâm Thùy	Uyên	12/08/2006	Sóc Trăng	4.67	7.00	Không đạt
94	CB57094	2100126	Nguyễn Hoàng Thảo	Vân	04/12/2003	Hậu Giang	7.00	6.25	Đạt
95	CB57095	QLCN2311051	Võ Ngọc Tuyết	Vân	05/01/2005	Cần Thơ	6.00	8.50	Đạt
96	CB57096	KTNL2101014	Dương Vĩnh	Vi	26/10/2003	Trà Vinh	5.33	3.50	Không đạt
97	CB57097	CNDT2211027	Trần Chí	Vĩ	30/06/2004	Sóc Trăng	3.33	6.25	Không đạt
98	CB57098	QTKD2311033	Trương Hoàng Anh	Vũ	02/06/2005	Kiên Giang	6.67	8.25	Đạt
99	CB57099		Nông Nguyễn Phương	Vy	19/01/2009	Cần Thơ	7.67	7.50	Đạt
100	CB57100	2000722	Nguyễn Thị Thanh	Vy	01/02/2002	Cần Thơ	0.00	0.00	Không đạt
101	CB57101	KHDL2311024	Nguyễn Khang	Vỹ	19/08/2005	Cần Thơ	6.00	7.25	Đạt
102	CB57102	LQCC2411001	Đinh Như	Ý	17/10/2006	Cần Thơ	7.33	9.25	Đạt
103	CB57103	QLCN2411063	Nguyễn Thị Như	Ý	11/04/2006	Hậu Giang	5.67	5.50	Đạt
104	CB57104	NGNA2411068	Mạc Hải	Yến	24/04/2006	Cần Thơ	8.33	8.50	Đạt

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HUỲNH THANH NHÃ

NGUYỄN BÁ DUY